

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 23-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tống Giang Nam

2/ Ông Vũ T Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường thôn 8, xã Mỹ Đức, huyện Đ, xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với:

* Bị cáo NGUYỄN VIỆT T – Sinh ngày 20 tháng 01 năm: 1990, tại: Nam Định; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (*đã chết*) và bà Bùi Thị O – Sinh năm 1965; Vợ: Hoàng Thị Thu L (*đã ly hôn*); Con: Có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 13/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, được giảm 6 tháng 25 ngày, ngày 25/01/2019 chấp hành xong; Về nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 04 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 15/02/2019, bị tạm giam từ ngày 15/02/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ – Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

*Người bị hại: Chị Lê Kim X – Sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn S, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*”.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị O – Sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

* Người làm chứng:

1/ Anh Phan Minh H – Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Phường N, thị xã G, Đắk Nông. “Vắng mặt”.

2/Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 11/02/2019, chị Lê Kim X điều khiển xe mô tô biển số 49H1 – 280.81 chở theo con gái là Trần Bảo Trâm - Sinh năm 2011 đi trên tuyến đường ĐT 725 hướng từ xã M, huyện Đ đi xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Khi đi đến khoảng giữa đèo Con Ó, xã M thì gặp Nguyễn Viết T đang ngồi trên xe mô tô biển số 49M1-155.05 dừng ở bên phần đường ngược chiều. T nảy sinh ý định xin tiền chị X để tiêu xài. T điều khiển xe đuổi theo xe của chị X. Khi đuổi kịp, T điều khiển xe bằng tay phải song song và ở phía bên trái xe chị X, còn tay trái cúi xuống rút một con dao Thái lan có cán bằng nhựa mà trước đó T đã móc trên xe, T cầm dao để ngay phía trước ngực và nói chị X “*Chị cho em xin ít tiền*”. Chị X không dừng xe, không trả lời mà tiếp tục tăng ga bỏ chạy với tốc độ cao hơn vượt trước xe máy của T. Khi đi được một đoạn khoảng 500 m đến 700 m gặp khúc cua về phía phải, do vừa hoảng sợ, vừa vì đoạn cua gấp nên cả hai mẹ con chị X bị ngã văng xuống đường. Thấy vậy, T dừng xe lại, tay trái vẫn cầm dao và đi đến chỗ chị X yêu cầu chị X đưa tiền nhưng chị X không đưa mà quỳ xuống, khóc lóc, van xin. T phát hiện trên cổ chị X có sợi dây chuyền kim loại màu vàng, T cầm dao bằng tay trái để trước mặt chị X, còn tay phải thò vào giắt đứt sợi dây chuyền chị X đang đeo trên cổ. Chị X dùng hai tay nắm và bẻ cong lưỡi dao. Đúng lúc đó, chiếc xe ô tô biển số 48A – 065.38 do anh Phan Minh H điều khiển theo hướng từ Đ - Lộc Bắc đi ngang qua nhìn thấy T và chị X đang giằng co, sợ anh H phát hiện nên T vội rút dao ra làm chị X bị đứt gân gấp các ngón 3,4,5 và vết thương 1cm ngón 2 bàn tay phải. Chị X bỏ chạy đến chỗ xe ô tô của anh H kêu cứu thì T cầm dao và sợi dây chuyền chạy đến chỗ xe máy, điều khiển xe về hướng xã Mỹ Đức, huyện Đ. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định: Giá trị chiếc dây chuyền T chiếm đoạt của chị X là 4.072.240 đồng, thiệt hại về chiếc xe mô tô biển số 49H1 – 280.81 bị hư hỏng khi chị X bị ngã là 973.000 đồng; Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị Lê Kim X là 14% và cháu Trần Bảo Trâm là 10%.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSĐT ngày 19/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Viết T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T từ 10 (*Mười*) năm đến 11 (*Mười một*) năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/5/2019 của người bị hại chị Lê Kim X: Chị X yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiền chi phí điều trị vết thương của hai mẹ con, tiền công lao động bị mất trong thời gian điều trị vết thương và chi phí sửa xe máy số tiền là 53.075.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường một khoản tiền tổn thất tinh thần cho chị X và con của chị X theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo đã chấp nhận bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử, buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị X số tiền là 53.075.000 đồng theo yêu cầu của chị X mà bị cáo T đồng ý bồi thường và bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị X từ năm lần đến mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự.

* Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) con dao thái lan dài 21.5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, một mặt có dập nổi chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, một cạnh sắc mũi nhọn.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (*một*) bốp da màu nâu bên trong có: 01 (*một*) giấy CNND số 250728268, do công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/9/2016 mang tên Nguyễn Viết T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú thôn A, xã T, Đ, Lâm Đồng; 01 (*một*) áo thun dài tay, cổ chui, hiệu “HK”, màu xanh lơ; 01 (*một*) áo thun dài tay, cổ chui, có mũ chụp đầu, hiệu “H-P-T”, màu xám tro đen và số tiền mặt 156.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu ngàn đồng*).

- Trả lại cho bà Bùi Thị O: 01(*một*) xe mô tô 2 bánh, hiệu Yamaha JUPITER, màu đỏ đen, BKS:49M1-155.05, số máy E3S1E099961, số khung 1340JY062303; 01 (*một*) giấy đăng ký xe mô tô BKS:49M1-155,05 mang tên Bùi Thị O, hộ khẩu thường trú tại thôn A xã T - Đ - Lâm Đồng.

- Các tài sản của người bị hại chị Lê Kim X, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị X theo quy định của pháp luật, nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã sử dụng con dao Thái lan – loại hung khí nguy hiểm để đe dọa và cướp tài sản của chị Lê Kim X, cụ thể: Vào lúc 13 giờ ngày 11/02/2019, khi phát hiện chị X điều khiển xe máy chở theo con nhỏ đang lưu thông tại đoạn đường vắng người qua lại, bị cáo T đã sử dụng xe máy đuổi theo, dùng dao khống chế, cướp 01 dây chuyền vàng 18 K chị X có giá trị là 4.072.240 đồng (*Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi đồng*); làm chị X bị thương tích dẫn đến tổn thương cơ thể 14% và cháu Trần Bảo Trâm là 10%. Qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi cướp tài sản mà bị cáo T đã cố ý thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản và sức khỏe của công dân. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Về nhân thân: Năm 2012, bị cáo bị xử phạt 04 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”; Bị cáo có 01 tiền án, ngày 13/01/2017 bị cáo bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 25/01/2019 bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương. Bị cáo T không lấy đó làm bài học cho bản thân, đến ngày 11/02/2019 bị cáo lại thực hiện hành vi cướp tài sản của chị X, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục bị cáo thành người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình phạt cũng cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 18.000.000 đồng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Trong vụ án còn có bà Bùi Thị O, bà O là mẹ của bị cáo T, sau khi thực hiện hành vi cướp tài sản và đi lẫn trốn, bị cáo T có nhắn tin qua điện thoại báo cho bà O biết, bà O gọi điện lại cho bị cáo T thì thấy bị cáo T giống say rượu, nên bà không tin và không hỏi gì thêm. Xét hành vi của bà O không có dấu hiệu của tội không tố giác tội phạm, che dấu tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà O là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/5/2019 của người bị hại chị Lê Kim X: Chị X yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiền chi phí điều trị vết thương của hai mẹ con, tiền

công lao động bị mất trong thời gian điều trị vết thương và chi phí sửa xe máy số tiền là 53.075.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường một khoản tiền tổn thất tinh thần cho chị X và con của chị X theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã chấp nhận bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người bị hại. Do vậy, cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị X số tiền là 53.075.000 đồng theo yêu cầu của chị X mà bị cáo T đồng ý bồi thường và bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tương ứng với năm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là: 1.390.000 đồng x 5 = 6.950.000 đồng. Tổng cộng, bị cáo T phải bồi thường cho chị X tổng số tiền là 60.025.000 đồng (*Sáu mươi triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) là phù hợp theo quy định tại các Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự. Đến nay gia đình bị cáo T đã bồi thường cho chị X số tiền 18.000.000 đồng, bị cáo T còn phải bồi thường cho chị X số tiền là 42.025.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) con dao thái lan dài 21.5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, một mặt có dập nổi chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, một cạnh sắc mũi nhọn. Xét thấy, đây là con dao của bị cáo T, bị cáo T đã sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 (một) bóp da màu nâu bên trong có: 01 (một) giấy CNND số 250728268, do công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/9/2016 mang tên Nguyễn Viết T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú thôn A, xã T, Đ, Lâm Đồng; 01 (một) áo thun dài tay, cổ chui, hiệu “HK”, màu xanh lơ; 01 (một) áo thun dài tay, cổ chui, có mũ chụp đầu, hiệu “H-P-T”, màu xám tro đen và số tiền mặt 156.000đ (*Một trăm năm mươi sáu ngàn đồng*). Xét thấy, những vật chứng và số tiền mặt này là của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội, do vậy cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh, hiệu Yamaha JUPITER, màu đỏ đen, BKS:49M1-155.05, số máy E3S1E099961, số khung 1340JY062303; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS:49M1-155,05 mang tên Bùi Thị O, hộ khẩu thường trú tại thôn A xã T - Đ - Lâm Đồng. Xét thấy, đây tài sản của bà Bùi Thị O, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bà Bùi Thị O là phù hợp.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 53,5cm, có kèm mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có hình chữ “X”, 01 xe mô tô biển số: 49H1 – 280.81, Số máy: 6962166D; Số khung: RLCUE1710G Y098117; màu sơn đen xám, hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS RC. 01 chiếc khẩu trang màu xanh, 02 chiếc găng tay bằng vải, 01 cái bọc gác để chân xe máy bằng cao su, 02 chiếc dép nữ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị X là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2019.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Viết T còn phải bồi thường cho chị Lê Kim X số tiền 42.025.000 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3/ Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao thái lan dài 21.5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, một mặt có dập nổi chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, chỗ rộng nhất 1,8 cm, một cạnh sắc, mũi nhọn.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) bốp da màu nâu bên trong có: 01 (một) giấy CNND số 250728268, do công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/9/2016 mang tên Nguyễn Viết T- SN:1990, HKTT tại thôn A, xã T, Đ, Lâm Đồng; 01 (một) áo thun dài tay, cổ chui, hiệu “HK”, màu xanh lơ; 01 (một) áo thun dài tay, cổ chui, có mũ chụp đầu, hiệu “H-P-T”, màu xám tro đen và số tiền mặt 156.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu ngàn đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bà Bùi Thị O: 01(một) xe mô tô 2 bánh, hiệu Yamaha JUPITER, màu đỏ đen, BKS:49M1-155.05, số máy E3S1E099961, số khung 1340JY062303; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS:49M1-155,05 chủ xe là Bùi Thị O, hộ khẩu thường trú tại thôn A xã T - Đ - Lâm Đồng.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/4/2019; Đối với số tiền 156.000 đồng trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 23/4/2019.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.101.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo nội dung bản án lên tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo nội dung bản án về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Người bị hại vắng mặt tại phiên

toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người CQL và NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Dương Văn Hùng